TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Số: 06/2025/QĐST-DS	Vĩnh Long, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 02 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 457/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **CÔNG TY TNHH Đ.**

Địa chỉ: Số A, Đường N, Khu phố N, Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trung D – Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số A N, Phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế Q – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thế Q là bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: G Đại Lộ Đ, Phường P, tỉnh Vĩnh Long. Theo văn bản ủy quyền số 135//2025/UQ-AMC ngày 13/5/2025.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1978 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự về số tiền trả, thời gian trả và án phí cụ thể như sau:

Ông Huỳnh Văn T với bà Đinh Thị N tự nguyện trả cho **CÔNG TY TNHH Đ1 THUẬT VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ INTERNATIONAL** số tiền vay còn nợ tính đến ngày 22/7/2025 là 1.367.764,193 đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi ba đồng)*. Trong đó nợ gốc là 900,000,000 đồng *(Chín trăm triệu đồng),* lãi trong hạn là 62.161.644 đồng *(Sáu mươi hai triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm bốn mươi bốn đồng),* lãi quá hạn là 392.506.027 đồng (*Ba trăm chín mươi hai triệu năm trăm lẽ sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng)*, phạt chậm lãi là 13.096,522 đồng (*Mười trăm ba mươi ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi hai đồng)* và ông T, bà N đồng ý trả số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết số tiền gốc còn nợ.

"Kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2025 ông T và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

Trường hợp nếu ông Huỳnh Văn T và bà Đinh Thị N không thanh toán hết số tiền vay vốn và tiền lãi còn nợ cho **CÔNG TY TNHH Đ VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ INTERNATIONAL** thì ông T, bà N thống nhất để Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản do ông T, bà N thế chấp là quyền sử dụng đất sau:

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 5, ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 939354, số vào sổ cấp GCN: CH00454 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 18/03/2013.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 420, tờ bản đồ số 5, ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 392313, số vào sổ cấp GCN: CH00383 do UBND huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 06/08/2012.

Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 935, tờ bản đồ số 5, ấp R, xã L, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 649209, số vào sổ cấp GCN: CS01962 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 14/05/2019.

Về thời gian trả: Các bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau thời gian ông T, bà N trả tiền cho **CÔNG TY TNHH Đ** sẽ do Phòng Thi hành án dân sự Khu Vực 10 – Vĩnh Long giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn T với bà Đinh Thị N tự nguyện nộp số tiền án phí là 26.516.000đồng *(Hai mươi sáu triệu năm trăm mười sáu nghìn đồng).*

CÔNG TY TNHH Đ2 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phì đã nộp là 25.756.947đồng *(Hai mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng)* theo biên lai thu tiền số 0010107 ngày 20 tháng 5 năm 2025 do Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh thu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 09 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS Khu Vực 10 – Vĩnh Long;
- Phỏng THADS Khu Vực 10 – Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Liên